

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG**

Năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 23GP/KDBH
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: 19 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.6288 3030
- Số fax: 028.3822 7619
- Website: www.vass.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): không

Quá trình hình thành và phát triển:

- + Ngày 07/11/2003: thành lập theo Giấy phép thành lập số 23GP/KDBH.
- + Ngày 28/01/2004: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 72.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng và thành lập Chi nhánh Hà Nội.
- + Ngày 26/5/2004: thành lập thêm 05 chi nhánh: Miền Đông, Miền Trung, Miền Tây, Bình Dương và Khánh Hòa.
- + Ngày 19/8/2004: thành lập Chi nhánh Tây Ninh.
- + Ngày 14/12/2004: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng.
- + Ngày 24/02/2005: thành lập các chi nhánh: Hải Phòng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Thừa Thiên – Huế, Thanh Hóa, Long An, Tiền Giang, Bình Định, Lâm Đồng.
- + Ngày 22/5/2006: thành lập chi nhánh Bình Thuận và chi nhánh An Giang.
- + Ngày 18/10/2006: thành lập các chi nhánh: Sơn La, Hưng Yên, Hòa Bình.
- + Ngày 13/02/2007: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng.
- + Ngày 06/11/2007: thành lập Văn phòng Miền Trung.
- + Ngày 30/12/2009: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng lên 345.000.000.000 đồng.
- + Ngày 30/7/2010: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 345.000.000.000 đồng lên 375.000.000.000 đồng.
- + Ngày 03/11/2010: điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 375.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng.
- + Ngày 18/3/2011: thành lập chi nhánh Nam Sài Gòn, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Thủ đô.
- + Năm 2012: thực hiện tái cấu trúc hoạt động của công ty: điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng xuống 40.000.000.000 đồng. Đồng thời, chấp thuận nhà đầu tư góp vốn thêm 260.000.000.000 đồng.
- + Ngày 30/5/2014: chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên thành 300.000.000.000 đồng.
- + Ngày 19/8/2014: thành lập các chi nhánh: Nghệ An, Quảng Ninh.

- + Ngày 16/5/2017: chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên thành 500.000.000.000 đồng.
- + Ngày 21/8/2019: Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc việc tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.

Các sự kiện khác: không.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.
- Địa bàn kinh doanh (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Mô hình quản trị: quản trị theo các cấp quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban Tổng giám đốc;
 - + Lãnh đạo phòng/ban/đơn vị.
- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty Cổ phần chứng khoán Viễn Đông, Công ty CP Dịch vụ và đầu tư Lian

4. *Định hướng phát triển*

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*
 - + Kế hoạch doanh thu 2.000 tỷ đồng.
 - + Công ty chú trọng hiệu quả hơn là tốc độ tăng trưởng (tập trung các dòng sản phẩm khuyến khích khai thác).
 - + Tăng cường hợp tác với ngân hàng, nhằm giảm chi phí quản lý trong kinh doanh.
 - + Chọn lọc kinh doanh (những kinh doanh không hiệu quả (Con người, chi nhánh, sản phẩm) sẽ được loại bỏ khỏi hệ thống).
 - + Đảm bảo dòng tiền theo kế hoạch (Nợ, bồi thường, chi phí).
 - + Nợ phí bảo hiểm tối đa 2%.
 - + Tỷ lệ bồi thường trung bình toàn công ty 4%.
 - + Tỷ lệ tái tục trung bình toàn công ty 50%.
 - + Chi phí quản lý trụ sở chính 14,3%.
 - + Đạt mục tiêu lợi nhuận 50 tỷ.
- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn*
 - + Tăng cường tuyển dụng nhân sự kinh doanh (đảm bảo chất lượng và số lượng).
 - + Triển khai hệ thống kinh doanh điện tử.
 - + Nâng cao việc phục vụ khách hàng.
 - + Tăng cường mối quan hệ các cơ quan ban ngành, ngân hàng, các tổ chức tín dụng.
 - + Tăng tỷ lệ tái tục hợp đồng.
 - + Tiếp tục chuẩn hóa về công tác quản lý toàn hệ thống bằng phần mềm.
 - + Tiến tới chuẩn hóa quản trị hệ thống theo ISO.

- + Tiếp tục hoàn thiện và phát triển những sản phẩm, quyền lợi đạt hiệu quả. Nói không với việc chạy theo doanh thu và cạnh tranh phi kỹ thuật.
- + Nâng cao chất lượng nhân sự thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo và đãi ngộ, có chính sách đưa nhân sự ra nước ngoài đào tạo.
- + Tăng cường việc giám sát và thực thi tính tuân thủ toàn công ty.
- + Tăng cường công tác phòng chống trục lợi bảo hiểm.
- + Thực hành tiết kiệm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- + Tuân thủ các quy định của cơ quan chính phủ, đặc biệt là Bộ Tài chính.
- + Cạnh tranh lành mạnh và tuân theo các quy định kỹ thuật trong bảo hiểm phi nhân thọ.
- + Sản phẩm bảo hiểm phù hợp với người tiêu dùng Việt.
- + Đảm bảo được lợi ích khách hàng, nhân viên và cổ đông.
- + Mục tiêu lợi nhuận.
- + Nơi làm việc mong đợi.
- + Nơi đầu tư lý tưởng.
- + Tăng cường đóng góp các chương trình vì đồng bào Việt.

5. Các rủi ro:

- Chịu sự áp lực cạnh tranh phi kỹ thuật, giảm giá, tăng chi phí nhằm tăng thị phần của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ.
- Nhân sự kinh doanh luôn thay đổi hàng năm, ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu.
- Kết cấu đại lý với khách hàng, làm tăng khả năng trục lợi.
- Khách hàng ngày càng hiểu hơn về bảo hiểm, nên việc trục lợi gia tăng.
- Khí hậu thay đổi theo chiều hướng bất lợi (hạn hán, lũ, bão...), mật độ giao thông tăng, an toàn thực phẩm không bảo đảm là những nguyên nhân chính làm tăng tỷ lệ tổn thất.
- Dịch Corona làm thay đổi kế hoạch doanh thu.
- Đa số năng lực nhân sự chưa đạt chuẩn, chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm, thiếu nhân sự được đào tạo chính quy chuyên ngành bảo hiểm.
- Đạo đức của nhân sự quản lý, nhất là nhân sự cấp cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 |
|--|-------------------|
| 1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 2.886.753.574.395 |
| 2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | - |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | 4.505.728.147 |
| 4. Thu nhập khác | 7.620.502.411 |
| 5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 1.857.895.407.465 |
| 6. Giá vốn bất động sản đầu tư | - |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 20.444.896.358 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 927.437.672.824 |
| 9. Chi phí khác | 1.151.844.047 |

| | |
|--|----------------|
| 10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 91.949.984.259 |
| 11. Chi phí thuế TNDN hiện hành | - |
| 12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - |
| 13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 91.949.984.259 |
| 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 1.839 |

- Các kết quả đạt được trong năm:

Năm 2019, công ty có lợi nhuận sau thuế là 91.949.984.259 đồng, là năm thứ 3 có lợi nhuận sau nhiều năm thua lỗ.

Về chiến lược kinh doanh, công ty vẫn tập trung vào thị trường bán lẻ ô tô, xe máy, tai nạn con người, bên cạnh đó tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh bảo hiểm qua kênh ngân hàng đó là nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe cho người vay tín dụng.

- Đánh giá rà soát sản phẩm để tập trung phát triển những nghiệp vụ mang lại lợi nhuận, ngừng triển khai đối với những nghiệp vụ rủi ro cao, thua lỗ trong nhiều năm.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

| Năm | DTPS bảo hiểm gốc | DTTT bảo hiểm gốc | DTTT kế hoạch | Tỷ lệ hoàn thành KH |
|------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------------------|
| 2019 | 2.732.139.484.104 | 3.010.583.201.329 | 2.000.000.000.000 | 150% |
| 2018 | 2.732.197.112.152 | 2.454.866.156.060 | 2,000.000.000.000 | 142% |
| Tốc độ tăng so với năm trước | -2% | 22% | | |

Năm 2019 công ty hoàn thành 150% kế hoạch doanh thu thực thu. So với năm trước, tốc độ tăng doanh thu phát sinh giảm 2% so với năm 2018, doanh thu thực thu tăng 22% so với năm 2018.

Doanh thu của công ty tập trung chủ yếu ở sản phẩm người vay tín dụng (chiếm 88%), khai thác qua kênh ngân hàng.

Năm 2019 công ty có lợi nhuận trước 91,9 tỷ đồng, nguyên nhân là do công ty thực hiện nhiều biện pháp như kiểm soát chi phí khai thác, chi phí bồi thường, và thực hiện tái bảo hiểm người vay tín dụng.

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách và tóm tắt lý lịch Ban Điều Hành:

ÔNG ĐẶNG DIỆP ĐẠI KHOA – TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ về tài chính và bảo hiểm

Quá trình huấn luyện:

2013-2014 : Đào tạo về tính toán bảo hiểm và kế hoạch tài chính của Tập đoàn IAG – Australia.

2002-2006 : Viện tài chính và bảo hiểm – Đại học Claude Bernard Lyon 1 – Pháp, Thạc sỹ về tính toán bảo hiểm và tài chính.

2002 : TCF-500, Bộ giáo dục Pháp.

2002 : TOEFL-575

1998-2002 : Đại học kinh tế Tp. HCM. Cử nhân kinh tế, chuyên ngành tin học quản lý.

1995-1998 : Phổ thông trung học Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. HCM. Bằng tú tài.

Kinh nghiệm công tác:

09/2014 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.

03/2014 - 08/2014 : Phó Tổng giám đốc phụ trách Nghiệp vụ của Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
01/2007 - 02/2014 : Giám đốc phát triển sản phẩm và định phí của Công ty CP Bảo hiểm AAA.
11/2012 - 05/2013 : Giám đốc phòng xe cơ giới của Công ty CP Bảo hiểm AAA.
09/2005 - 07/2006 : Nhân viên tính phí dự phòng của Công ty AXA life Insurance – Pháp.

ÔNG TẠ VĂN KIM - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

06/2015 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
2009 - 05/2015 : Giám đốc Chi nhánh Tiền Giang, Công ty CP Bảo Hiểm Viễn Đông.
2008 – 2009 : Trưởng phòng giám định PVI, Khu vực Sông Tiền, Công ty CP Bảo hiểm Dầu Khí.
1999 – 2008 : Giám định Chi nhánh Tiền Giang, Công ty CP Bảo hiểm Bảo Minh.
1995 – 1999 : Công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc tỉnh Tiền Giang.

ÔNG LƯƠNG HỒNG THÁP – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình huấn luyện:

2008: Tập đoàn Bảo hiểm AMTRUST – Vương Quốc Anh: Đào tạo về Bảo hiểm Thiết bị Điện tử
2007: ANZIIF -Hiệp hội Bảo hiểm Australia và New Zealand: Chứng chỉ về Bảo hiểm Phi nhân thọ
2003: LIMRA - Hiệp hội Nghiên cứu Quản lý Bảo hiểm Nhân thọ: Chứng chỉ Quản lý Kinh doanh
1997-2001: Đại học Tây Nguyên, cử nhân Anh Văn

Kinh nghiệm công tác:

14/04/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nghiệp vụ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
09/2013 – 13/04/2015: Bảo hiểm Viễn Đông, Giám đốc Phòng Con người & Bancassurance.
06/2010 - 09/2013: Bảo hiểm AAA, Giám đốc CN Bắc Sài Gòn, Trưởng Phòng Quản lý & Đào tạo Đại lý-Trưởng Phòng BH Thiết bị điện tử.
10/2008 - 06/2010: Bảo hiểm AAA, Giám đốc Đắc Nông, Trưởng phòng Phát triển Sản phẩm mới kiêm Trưởng phòng BHCN & XCG.
06/2006 - 10/2008: Bảo hiểm AAA, Chuyên viên Phòng Quản lý & Phát triển Đại lý.
08/2004 - 05/2006: Bảo hiểm Viễn Đông, Chuyên viên nghiệp vụ Phòng Dự án & PTKD.
07/2001-04/2004: Bảo hiểm Nhân thọ Bảo Minh CMG, Trưởng phòng Kinh doanh tỉnh Kontum.

BÀ LÊ QUỲNH TRANG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thạc sỹ khoa học bảo hiểm và tài chính

Quá trình huấn luyện:

2003-2004: Đại học Lyon 1 – Pháp, Thạc sỹ khoa học bảo hiểm và tài chính.

Kinh nghiệm công tác:

16/02/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Nghiệp vụ Bảo hiểm Ngân hàng tại Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông.
07/2014-02/2017: Giám đốc tại Công ty CP Bảo hiểm AAA
10/2011-10/2013: Công tác tại Ngân hàng Phương Đông.
10/2009-10/2011: Công tác tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

BÀ NGUYỄN THỊ THU HÀ – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm công tác:

2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông

2016 - 2017: Giám đốc tài chính Công ty CP Nước Aquaone Hậu Giang

2004 - 2016: Kế toán Trường Liên minh HTX Việt Nam

1997 - 2004: Kế toán Liên hiệp xã Trung Ương

* Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2019, bộ máy Điều hành của công ty không có thay đổi.

* Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

• Số lượng cán bộ nhân viên toàn công ty năm 2019: 371 cán bộ

• Tóm tắt chính sách:

- Tiền lương: thực hiện theo hệ thống thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan lao động.

- BHXH, YT, TN, BNN- TNLĐ: Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, YT, TN theo Luật lao động và các luật liên quan.

- Chính sách khen thưởng: Căn cứ vào hiệu quả của Công ty đạt được.

- Đào tạo: Theo quy chế đào tạo của Công ty.

- Chính sách nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản: theo quy định của pháp luật và theo thỏa ước lao động tập thể.

Chưa có thay đổi trong chính sách Nhân sự.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Bảo hiểm Viễn Đông có đầu tư vào công ty con: Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông. Công ty Chứng khoán Viễn Đông bị thua lỗ kéo dài và không khắc phục được tình trạng kinh doanh. Ngày 23/8/2016, Ủy ban chứng khoán Nhà Nước đã ra quyết định số QĐ 884/QĐ-UBCK chấm dứt hoạt động của Công ty chứng khoán Viễn Đông.

Ngoài ra Viễn Đông đầu tư vào công ty con: Công ty CP Dịch vụ và đầu tư Lian được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315666562 ngày 09/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp. Tỷ lệ đầu tư, sở hữu và biểu quyết của Bảo hiểm Viễn Đông là 75%.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm | Năm/Year | % tăng giảm/ |
|---|-------------------|-------------------|--------------|
| | 2018 | 2019 | |
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 1.464.876.974.842 | 1.367.192.136.034 | -6,71% |
| Doanh thu thuần | 2.776.625.332.149 | 2.886.753.574.395 | 3,97% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 111.762.937.774 | 85.481.325.895 | -23,32% |
| Lợi nhuận khác | -7.007.282.064 | 6.468.658.364 | -192,31% |

| | | | |
|----------------------------|-----------------|----------------|---------|
| Lợi nhuận trước thuế | 104.755.655.710 | 91.949.984.259 | -12,01% |
| Lợi nhuận sau thuế | 104.755.655.710 | 91.949.984.259 | -12,01% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 2.096 | 1.839 | -12,03% |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm/Year | Năm/Year | Ghi chú/Note |
|--|----------|----------|--------------|
| | 2018 | 2019 | |
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0,907 | 0,583 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt) | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | 0,907 | 0,583 | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho | | | |
| Nợ ngắn hạn | | | |
| Short term Asset - Inventories | | | |
| Short term Debt | | | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,989 | 0,921 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 87,828 | 11,621 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets) | 1.895 | 2,111 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,038 | 0,032 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 6,352 | 0,849 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,072 | 0,067 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,040 | 0,030 | |
| | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 50.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: phổ thông.

- b) Cơ cấu cổ đông:
- Cổ đông tổ chức: 17 cổ đông.
 - Cổ đông cá nhân: 808 cổ đông.
 - Cổ đông nước ngoài: không
 - Cổ đông nhà nước: không
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không*.
- e) Các chứng khoán khác: *Không*.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
- Số lượng cán bộ nhân viên toàn công ty năm 2019: 371 cán bộ
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- Tiền lương: thực hiện theo hệ thống thang bảng lương đã đăng ký với cơ quan lao động.
 - BHXH, YT, TN, BNN- TNLĐ: Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, YT, TN theo Luật lao động và các luật liên quan.
 - Chính sách khen thưởng: Căn cứ vào hiệu quả của Công ty đạt được.
 - Đào tạo: Theo quy chế đào tạo của Công ty.
 - Chính sách nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản: theo quy định của pháp luật và theo thỏa ước lao động tập thể.
- Chưa có thay đổi trong chính sách Nhân sự.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động
- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

+ Số giờ đào tạo trung bình hàng năm: 244 giờ/năm;

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: cán bộ được cử đi đào tạo tại các khóa đào tạo của Trung tâm nghiên cứu và Đào tạo bảo hiểm, các khóa đào tạo ngắn hạn và chuyên sâu do các tổ chức đào tạo về bảo hiểm khác tổ chức theo nhu cầu học tập của chính cán bộ công nhân viên hoặc theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2019 | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2018 |
|--|---------------|----------------|----------------|
| Doanh thu thực thu toàn công ty | 2.000 tỷ đồng | 3.010 tỷ đồng | 2.732 tỷ đồng |
| Đảm bảo tỷ lệ chuyên tiền theo quy định. | | Đạt | Đạt |
| Chi phí quản lý trụ sở chính | 14,30% | 14,30% | 14,30% |
| Nợ phí bảo hiểm tối đa | 2,00% | 2,00% | 1,70% |
| Tỷ lệ bồi thường trung bình toàn công ty | 9,00% | 2,5% | 4,00% |
| Tỷ lệ tái tục trung bình toàn công ty | 50,00% | 50% | 50% |
| Lãi/Lỗ | 100 tỷ | 92 tỷ | 105 tỷ |

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Kết quả kinh doanh năm 2019 tổng doanh thu đạt được 2.872 tỷ tăng 5,2% so với năm 2018 và đạt kế hoạch năm 2019. Tổng chi bồi thường giảm từ 105 tỷ xuống 73 tỷ so với năm 2018, và tỷ lệ bồi thường giảm đáng kể từ 4% xuống còn 2,5%.
- Duy trì lợi nhuận trong 3 năm liên.
- Các chỉ số kế hoạch đặt ra đều đạt 100%.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của công ty thể hiện ở bảng dưới đây:

| TÀI SẢN | 2019 | 2018 | tăng(+) giảm (-) |
|---|------------------------|--------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 672.511.596.175 | 1.203.030.919.253 | 530.519.323.078 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 70.413.606.480 | 66.106.451.695 | 4.307.154.785 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 110.033.705.199 | 39.760.807.739 | 70.272.897.460 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 234.173.314.311 | 867.619.600.272 | 633.446.285.961 |
| IV. Hàng tồn kho | 675.398.081 | 335.979.696 | 339.418.385 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 91.748.473.910 | 88.582.203.535 | 3.166.270.375 |
| VI. Tài sản tái bảo hiểm | 165.467.098.194 | 140.625.876.316 | 24.841.221.878 |
| | | | 0 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 694.680.539.859 | 261.846.055.589 | 432.834.484.270 |

| | | | |
|--|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 35.343.472.952 | 41.291.209.567 | -5.947.736.615 |
| II. Tài sản cố định | 383.913.949.156 | 7.679.783.335 | 376.234.165.821 |
| III. Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 275.077.706.945 | 212.634.129.809 | 62.443.577.136 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 345.410.806 | 240.932.878 | 104.477.928 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 1.367.192.136.034 | 1.464.876.974.842 | -97.684.838.808 |
| Tỉ số tài chính | | | |
| 1. Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) | 6,73% | 7,15% | |
| 2. Hiệu quả sử dụng tài sản(Doanh thu thuần/tổng tài sản) | 2,11 | 1,9 | |

- Tổng tài sản năm 2019 là 1.367.192.136.034 đồng, giảm 97,6 tỷ so với năm 2018
- Năm 2019, doanh thu thuần tăng so với năm 2018, tài sản giảm làm cho hiệu quả sử dụng tài sản tăng từ 1,9 lần trong năm 2018 lên 2,11 lần trong năm 2019
- Năm 2019, lợi nhuận của Bảo hiểm Viễn Đông là 92 tỷ, tỉ suất sinh lời trên tài sản đạt 6,73%

b. Tình hình nợ:

| Chỉ tiêu | 2019 | 2018 | Tăng (+) giảm(-) |
|--|-------------------|-------------------|------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 1.258.863.497.188 | 1.448.385.897.288 | -189.522.400.100 |
| I. Nợ ngắn hạn | 1.152.806.247.400 | 1.326.222.807.885 | -173.416.560.485 |
| II. Nợ dài hạn | 106.057.249.788 | 122.163.089.403 | -16.105.839.615 |
| Các chỉ số tài chính | | | |
| Tỉ số nợ (Tổng nợ/tổng tài sản) | 0,92 | 0,99 | |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn CSH (LN sau thuế/vốn CSH) | 0,85 | 6,35 | |

- Tổng nợ trong năm 2019 là 1.258.863.497.188 đồng, giảm 189 tỷ đồng so với năm 2018, tỉ số nợ giảm từ 0,99 trong năm 2018 xuống 0,92 trong năm 2019
 - Công nợ phải trả giảm ở cả dài hạn và ngắn hạn, nợ ngắn hạn giảm chủ yếu ở khoản phải trả người bán. Nợ dài hạn giảm ở khoản vay ngân hàng Indovina.
- Trong công nợ phải trả, một số khoản nợ lớn, đó là :**
- Khoản phải trả cho chứng khoán Viễn Đông: 34.785.951.638 đồng (năm 2018 là 35.150.946.593 đồng)
 - Khoản phải trả Tổng công ty thuốc lá Việt Nam: 22.514.096.525 đồng (năm 2018 là 31.566.339.025 đồng)
 - Khoản phải trả Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam: 25.230.900.488 đồng (năm 2018 là 16.928.183.661 đồng)
- + Tổng dự phòng nghiệp vụ là: 794.937.622.456 đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Trong năm 2019 về mặt quản trị rủi ro, vẫn dựa trên các quy định của năm 2016 và hoàn thiện cho phù hợp với thị trường từng năm.
- Trong năm 2019, VASS tập trung mạnh mẽ vào việc phát triển qua kênh bancass.
- Tăng cường việc thu đòi công nợ và có chế tài cụ thể.

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm nhằm chuẩn hóa việc quản lý của các phòng ban thẩm định, giám định, bồi thường, tài chính, kế toán và tái bảo hiểm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tập trung phát triển phân khúc bancassurance, tổ chức (thông qua mối quan hệ quen biết của các thành viên trong ban điều hành và trong chi nhánh) và cá nhân (thực hiện việc kinh doanh theo cấp, giám đốc, trưởng đơn vị, đại lý), tăng cường việc đào tạo.
- Đã triển khai hệ thống kinh doanh điện tử (Lian).
- Chuẩn hóa việc quản lý nhân sự, hành chính bằng phần mềm.
- Tăng cường các dòng sản phẩm mới cho phân khúc thu nhập trung bình và thấp.
- Phân tích sản phẩm đi sâu tới quyền lợi bảo hiểm, nhằm tận dụng tối đa lợi ích, để đẩy mạnh vào thị trường.
- Tăng cường tỷ lệ tái tục và việc phục vụ khách hàng.
- Duy trì doanh thu là 2.000 tỷ và đạt hiệu quả lợi nhuận.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Việc tiêu thụ điện nước và chất thải không thay đổi giữa các năm và có khuynh hướng tiết kiệm, theo tiêu chí, 1 đồng chi phí tiết kiệm là 1 đồng lợi nhuận.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Lao động là lực lượng chủ yếu quyết định sự phát triển của công ty, vấn đề mất lao động có đạo đức và giải cũng đặt lên hàng đầu.
- Mọi yếu tố rủi ro trong công ty, đều xuất phát từ rủi ro trong quản trị nhân sự.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn có chính sách nhà tình thương, tình nghĩa, hỗ trợ người nghèo hàng năm.

- Tham gia và tài trợ các tổ chức, hoạt động của các cơ quan chính phủ ban ngành được tổ chức hàng năm.
- Luôn cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ và tuân thủ theo các quy định của cơ quan pháp luật..

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Công ty thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã được Đại hội thông qua.

Duy trì công tác giám sát: Phòng Kiểm soát nội bộ và tuân thủ kiểm tra tính tuân thủ của Ban điều hành trong công tác tổ chức thực hiện chủ trương của HĐQT, đồng thời kiểm tra tính tuân thủ của các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.

Công ty luôn có chính sách hỗ trợ người nghèo, các hoạt động xã hội hàng năm.

Tuân thủ quy định pháp luật liên quan.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2019, Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng. Mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc đều dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục mở rộng kênh bán bảo hiểm qua ứng dụng điện thoại di động - ứng dụng bảo hiểm LIAN;
- Tăng cường công tác đánh giá rủi ro đầu vào để kiểm soát tốt tỷ lệ bồi thường; đặt ra nhiệm vụ cụ thể đối với Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm soát nhằm hạn chế mức thấp nhất những rủi ro, từng bước giảm lỗ lũy kế để tiến đến có lãi trong hoạt động kinh doanh.
- Duy trì công tác xử lý giảm thiểu công nợ và thu hồi công nợ. Tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro thông qua các phòng ban chức năng,
- Nâng cao trình độ nhân viên trên cơ sở có sự quản lý đồng bộ từ Trụ sở chính đến đơn vị kinh doanh và đánh giá đúng năng lực để có cơ chế đào tạo, khuyến khích phù hợp. Đề cao công tác đào tạo kỹ năng bán hàng cho cán bộ nhân viên trong công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm phục vụ công tác quản lý của công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Danh sách thành viên HĐQT:
 - + Bà Đỗ Thị Minh Đức - Chủ tịch;
 - + Bà Trương Ngô Sen - Phó chủ tịch;
 - + Bà Phạm Phương Chi - Thành viên.
 - + Ông Nguyễn Quang Vinh - Thành viên;
 - + Ông Lương Hồng Tháp - Thành viên
- Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:
 - Bà Đỗ Thị Minh Đức: 14.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.0286%
- Thành viên độc lập: không.
- Thành viên không điều hành: không.
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:
 - + Bà Đỗ Thị Minh Đức : 01 chức danh;
 - + Bà Trương Ngô Sen: 01 chức danh;

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Ngày 24/01/2019: Họp HĐQT về kết quả kinh doanh năm 2018 và định hướng kinh doanh 2019
- Ngày 24/4/2019: Họp HĐQT về báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2019 và triển khai ví điện tử LIAN
- Ngày 21/6/2019: Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019
- Ngày 24/6/2019: Họp HĐQT về phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2023
- Ngày 25/7/2019: Họp HĐQT về báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2019
- Ngày 16/8/2019: Họp HĐQT về xem xét kế hoạch khôi phục vốn chủ sở hữu và biên KNTT
- Ngày 24/10/2019: Họp HĐQT về báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2019

- Ngày 26/12/2019: Họp HĐQT về Vv áp dụng nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí liên quan đến quỹ chủ ở hữu và quỹ chủ hợp đồng của VASS
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Danh sách thành viên Ban kiểm soát:
 - + Ông Trần Đức Hoài - Trưởng Ban;
 - + Ông Đinh Hiếu Thuận - Thành viên;
 - + Bà Đặng Thị Phương - Thành viên.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và chứng khoán khác: Ông Đinh Hiếu Thuận: 800 cổ phần chiếm tỷ lệ 0.0016%.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát, kiểm tra việc tuân thủ Điều lệ và các quy định pháp luật của HĐQT, Ban điều hành.
- Xem xét tính hợp lý của số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính Quý, năm
- Tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT, Theo đó, Ban kiểm soát có quyền tham gia góp ý, hoặc có kiến nghị với HĐQT, Ban TGD về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông đạt được kết quả tốt đẹp.
- Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành tuân thủ Điều lệ, các quy định pháp luật hiện hành.
- HĐQT được thiết lập, cùng với sự giám sát HĐQT, Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty, với quyền hành và phân nhiệm thích hợp để theo đuổi các mục tiêu.
- Ban hành các Quy chế quản trị công ty, quy chế tổ chức và hoạt động chi nhánh, Phân quyền HĐQT và TGD, các ủy quyền của TGD cho các PTGD và Lãnh đạo trực tiếp khác.
- Ban điều hành duy trì một cách thường xuyên cuộc họp giao ban hàng tuần giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc, và họp Công ty hàng tháng với Lãnh đạo các phòng ban nhằm xem xét và giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc.
- Các Nghị quyết, các Quyết định của HĐQT, phù hợp với mục tiêu của Công ty, chính sách, chế độ quy định. Ban Điều hành luôn thực thi theo Quyết định của HĐQT.
- Ban Kiểm soát được cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình tài chính của Công ty như Báo cáo tài chính các Quý / Năm và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; Được trao đổi và tham gia ý kiến với HĐQT và Ban điều hành trong các cuộc họp được mời tham dự.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Lương, thưởng, thù lao cho HĐQT và BKS: thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018: 1,5 tỷ đồng/năm.
- Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý: theo mức lương tại thang/bảng lương đã thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: không.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo quan điểm của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng các vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG DIỆP ĐẠI KHOA